

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-PT

Ngày 06-9-2022

V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Tuyền;
Ông Cầm Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Kiều Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lường Thị T1, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Lèo Thị Phụng, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Lèo Văn H, sinh năm 1979, bà Lò Thị Thiên, sinh năm 1979. Địa chỉ: Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Đàm Mạnh H. Địa chỉ: Số 02, ngõ 23, phố L, tổ 5, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lèo Thị T2. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
Vắng mặt

+ Anh Lèo Văn V. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
Vắng mặt

+ Chị Lèo Thị T3. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
Vắng mặt

4. Người kháng cáo :

- Bị đơn: Ông Lèo Văn H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm:***

Nguyên đơn – bà Lường Thị T1 trình bày:

Bà là vợ hợp pháp của ông Lèo Văn H, kết hôn từ năm 1994. Vợ chồng ông bà có mảnh nương diện tích đất nương khoảng 3.500m² tại khu vực S, bản N (nay là bản P), xã C. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lèo Văn H năm 1999. Ngày 04/12/1999, ông H có cho ông Lèo Văn H ở bản P thuê đất, thỏa thuận đến năm 2020 (khi nhà nước đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì phải trả lại. Giá thuê là 2.800.000VNĐ. Bà không biết việc thuê đất này, ông H không hề bàn bạc trước với bà. Đến thời điểm ông H đi làm nương (khoảng đầu năm 2000), bà mới biết nhưng vẫn chấp nhận khi hết hạn thuê đất thì đòi lại. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H thì thời hạn sử dụng đất đến năm 2019, tức là năm 2020 hết hạn sử dụng đất. Lúc ông H bắt đầu sử dụng đất, đất nương trống không có cây cối.

Đến năm 2010, ông H mất. Khi hết thời hạn thuê, bà đã yêu cầu ông H1 trả lại đất thì ông H1 nói đã nhận chuyển nhượng vĩnh viễn và đưa ra biên bản bán đất nương ngày 04/12/1999. Nhưng văn bản này có phân xác nhận của UBND xã Chiềng Chăn ở trang khác, không có chữ ký của chồng bà và thời điểm ký xác nhận là ngày 10/11/2003 do ông H1 tự xin xác nhận. Hiện nay ông H1 đang sử dụng để trồng cây ăn quả, nhưng chỉ mới bắt đầu trồng từ thời điểm bắt đầu phát sinh tranh chấp (từ năm 2020).

Vì vậy, bà đề nghị Tòa án yêu cầu gia đình ông H1 và bà Th phải trả lại diện tích đất 3.500m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lường Văn Hạnh cấp năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T đề nghị Tòa án buộc gia đình ông H1 phải trả lại diện tích đất do hết hạn thuê theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

Bị đơn ông Lèo Văn H, bà Lèo Thị Th trình bày:

Tháng 12/1999, ông Lèo Văn H gạ bán cho ông bà một mảnh đất nương ở xứ đồng S, thuộc Bản P, xã C, diện tích khoảng 3.500m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H. Ông bà đã thỏa thuận nhất trí ông H bán

đất đến khi nhà nước thu hồi đất để chia lại sẽ trả lại cho ông H, giá thỏa thuận là 2.800.000VNĐ. Cả hai bên đã đến nhà trưởng bản là ông Lường Văn Hóa (hiện đang là phó bản Phường, xã Chiềng Chăn) để làm văn bản bán đất nương ngày 04/12/1999. Sau khi làm văn bản xong, ông H đã giao lại thửa đất nương cho gia đình ông bà nhưng không tiến hành đo đạc cụ thể. Lúc giao đất, trên đất chỉ còn gốc cây ngô. Sau khi nhận đất, gia đình ông bà sử dụng từ thời điểm đó đến nay. Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông bà không khai phá thêm, không phát sinh tranh chấp với hộ nào. Sau đó một thời gian, ông bà có mua thêm một mảnh đất liền kề của ông Q (em trai ông H) ở cùng bản.

Ban đầu thỏa thuận mua đến khi nhà nước thu hồi đất, sau đó một thời gian ông H có nguyện vọng bán vĩnh viễn nên đã lấy thêm 300.000VNĐ, cả hai bên cùng đến nhà ông trưởng bản (ông Hóa) để viết thêm nội dung bán đứt vào biên bản ngày 04/12/1999 nhưng ở trang khác. Tuy nhiên, do sơ sót nên không ghi số tiền ông H nhận thêm và không yêu cầu ông H ký vào biên bản. Đến năm 2003, ông và ông H có đi xin xác nhận của UBND xã Chiềng Chăn – chủ tịch là ông Lò Văn Thỏa.

Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông không có tranh chấp đến năm 2020 thì bà Toàn yêu cầu trả lại đất. Ban đầu, gia đình ông bà trồng ngô và mía, gần đây trồng cây ăn quả (cây xoài, nhãn) trước thời điểm bà Toàn có yêu cầu đòi lại đất.

Tại phiên tòa, ông bà vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do đất đã chuyển nhượng vĩnh viễn, đất sử dụng đất ổn định từ năm 2000 đến nay không có tranh chấp.

* Ý kiến trình bày của *người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lèo Thị T1, chị Lèo Thị T2, anh Lèo Văn V*: Các anh chị là con ruột của ông Lèo Văn H và bà Lường Thị T. Năm 2011, khi ông Lèo Văn H mất, trước khi mất có nói rằng: đất ở Săn Co Cắc chỉ cho ông H thuê nên hết hạn thuê thì phải đi đòi lại. Diện tích đất ở xứ đồng Săn Co Cắc, bản Phường, xã Chiềng Chăn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố Lèo Văn H. Phần đất này hiện tại vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bố chúng tôi, là tài sản của ông H và bà Toàn trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, chúng tôi nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Toàn, đề nghị ông H1 phải trả lại cho bà Toàn diện tích đất ở xứ đồng Săn Co Cắc.

* Ý kiến trình bày của người làm chứng *ông Lò Văn H*: Năm 1999, ông Lèo Văn H (chồng bà T) và ông Lèo Văn H có thỏa thuận bán đất tại gia đình ông H1, hai bên có nhờ ông Hóa đến chứng kiến và làm giúp văn bản thỏa thuận, ngày hôm đó có mặt ông H, ông H1, ngoài ra không còn ai. Nội dung thỏa thuận giữa hai bên là ông H có thửa đất tại xứ đồng Săn Co Cắc, bản Nà Phường, xã Chiềng Chăn đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H bán cho ông H1 với giá 2.800.000VNĐ, thời gian bán đến khi nhà nước đo đạc lại thì ông H1 phải trả lại cho ông H, ông Lò Văn H có viết giấy bán đất nương ngày 04/12/1999. Ông H đã

ký vào biên bản. Ông H1 đã trả cho ông H 2.300.000 VNĐ, còn 500.000 VNĐ vài tháng sau ông H1 thanh toán thì đã gạch phần chữ tại mục ghi chú. Tôi đã ghi thêm phần ghi chú theo thỏa thuận của hai bên. Hôm đó không có mặt bà T vợ ông H, tuy nhiên hai bên không ký vào phần tôi đã ghi chú thêm vì đã ký vào thỏa thuận trước. Sự việc này ngoài ông Hóa, ông H1, ông H ra không ai biết. Việc ai là người đi xin xác nhận ở UBND xã ông H không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, quyết định:

Căn cứ Điều 24 Luật đất đai năm 1993, Điều 5, Điều 57, khoản 3 điều 191, khoản 4 Điều 95, Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 129, 132 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị T. Buộc bị đơn ông Lèo Văn H và bà Lèo Thị Th phải trả lại diện tích đất là 2.798,7m² (theo xác định của các đương sự trong quá trình xem xét thẩm định tại chỗ) thuộc thửa số 48, tờ sơ đồ I-6-4 tại xứ đồng Săn Co Cắc, Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cho bà Lương Thị T. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri Q 277773 mang tên ông Lèo Văn H theo Quyết định số 353/QĐ-UBND (số vào sổ số 00173) ngày 28/10/1999 của UBND huyện Mai Sơn. (Trong phần diện tích 2.798,7m², bà Toàn được sử dụng diện tích 1280m² đất nương đã được cấp giấy chứng nhận mang tên Lèo Văn H, được tạm sử dụng 1.518,7m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tứ cạnh thửa đất như sau:

Phía Bắc giáp đất hộ ông H1, dài 17,4m + 14,9m + 17,2m;

Phía Bắc giáp hoáp đường đất đi khu sản xuất, dài 16,9m + 17,6m + 17,1m;

Phía Nam giáp đất hộ ông H1, dài 26,7m + 18,7m + 31,7m; hía Đông giáp đất hộ ông H1, dài 13,6m + 18,3m.

Hình thể thửa đất, tứ cạnh tiếp giáp được thể hiện tại Sơ đồ thửa đất kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/12/2021.

2. Buộc bà Lương Thị T phải thanh toán cho ông Lèo Văn H và bà Lò Thị Th giá trị cây trồng trên đất là 17.488.200VNĐ (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi

thi hành án xong, bà Lương Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/4/2022 ông Lèo Văn H có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án số 07/2022/DS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của bị đơn: Giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông H1.

Quan điểm của nguyên đơn: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan *chị Lèo Thị T1, chị Lèo Thị T2, anh Lèo Văn V*: Nhất trí với ý kiến của nguyên đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lèo Văn H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lèo Văn H làm trong hạn luật định, thoả mãn về hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do vậy được chấp nhận giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lèo Văn H.

[2.1] *Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất*: Bà Lương Thị T là vợ hợp pháp của ông Lèo Văn H. Vợ chồng ông bà có mảnh nương diện tích đất nương khoảng 3.500m² tại khu vực Sc, bản N (nay là bản Phường), xã Chiềng Chăn. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lèo Văn H năm 1999. Gia đình ông H đã sử dụng từ năm năm 1991 đến tháng 12/1999 thì

ông Lèo Văn H là chồng của bà Lường Thị T có giao cho ông Lèo Văn H và bà Lò Thị Thiên sử dụng theo Biên bản bán đất nương ngày 04/12/1999 nội dung thể hiện ông H cho ông H1 thuê đất với diện tích 3500 m² và thỏa thuận đến năm 2020 (khi nhà nước đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì phải trả lại. Năm 2010, ông H chết, không để lại di chúc, bà Toàn biết về việc thuê đất và chấp nhận khi hết hạn thuê đất thì đòi lại. Do đó, nội dung thuê đất này các bên không có tranh chấp và phù hợp với lời khai của các đương sự, người làm chứng và nội dung Biên bản bán đất nương ngày 04/12/1999.

[2.2] Về diện tích đất tranh chấp: Tại đơn khởi kiện bà Toàn xác định phần diện tích đang tranh chấp là 3.500 m². Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Toàn đề nghị Tòa án buộc gia đình ông H1 phải trả lại diện tích đất do hết hạn thuê theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất và tài sản trên đất đang tranh chấp vào ngày 14/12/2021, kết quả: Trên thực tế, diện tích đất tranh chấp là 2.798,7 m² lớn hơn so với diện tích đất 1280m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, gia đình ông Lèo Văn H sử dụng đất từ năm 2000 đến nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lèo Văn H được Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn cấp năm 1999 chưa có biến động về người sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp, không bị thu hồi hay hủy bỏ. Đồng thời, làm việc với các hộ dân có đất liền kề đều xác định không có tranh chấp về diện tích và giáp ranh. Các đương sự đã thống nhất xác định vị trí, giáp ranh của thửa đất trên thực địa, do đó diện tích đất tranh chấp được xác định là 2.798,7m² tại khu vực Săn Co Cắc, thuộc Bản P, xã C, huyện Mai Sơn.

[2.2] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.2.1] Ông H1, bà Th cho rằng ban đầu các bên có thỏa thuận mua đến khi nhà nước thu hồi đất, sau đó một thời gian ông H có nguyện vọng bán vĩnh viễn nên đã lấy thêm 300.000 đồng, cả hai bên cùng đến nhà ông trưởng bản (ông Hóa) để viết thêm nội dung bán đứt vào biên bản ngày 04/12/1999 nhưng ở trang khác nhưng do sơ sót nên không ghi số tiền ông H nhận thêm và không yêu cầu ông H ký vào biên bản. Đến năm 2003, ông và ông H có đi xin xác nhận của UBND xã Chiềng Chăn – chủ tịch là ông Lò Văn Thỏa ký xác nhận với nội dung: “*Mảnh đất nương hai bên đã thỏa thuận – UBND xã Chiềng Chăn chứng nhận mảnh đất trên kể từ ngày 20/12/2000 thuộc quyền sử hữu của ông Lèo Văn H*”.

[2.2.2] Tuy nhiên căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện năm 2010, ông H chết, không để lại di chúc, phía nguyên đơn không biết về việc mua bán đất nêu trên, phần nội dung ghi thêm thể hiện không có chữ ký của người chuyển nhượng (ông H), không thể hiện việc ông H nhận thêm 300.000 đồng để chuyển nhượng vĩnh viễn thửa đất như ông H1 trình bày. Đối tượng của giao dịch là quyền sử dụng đất không thể hiện rõ vị trí, số diện tích cụ thể, không có chữ ký hợp pháp của đại diện chủ hộ sử dụng đất và người nhận

chuyển nhượng. Ông Hóa người viết thêm nội dung này xác nhận không ai ký vào biên bản, không có mặt bà Toàn. Vì vậy, nội dung ghi về thỏa thuận thêm này không chứng minh được đó là ý chí của người có quyền sử dụng đất là ông H. Do đó, cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận thỏa thuận thuê đất ban đầu là có căn cứ.

[2.3] Về tài sản trên đất

Qua xem xét thẩm định tại chỗ cấp sơ thẩm xác định, trên đất đang tranh chấp ông H1 đã trồng các loại cây ăn quả lâu năm với tổng giá trị cây trồng trên đất trị giá 17.488.200 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng các cây trồng trên được trồng sau khi bà đã có yêu cầu ông H1 trả lại đất. Tuy nhiên, bà Toàn không có căn cứ xác định thời điểm ông H1 trồng cây. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà Toàn thanh toán cho ông Lèo Văn H và bà Lò Thị Thiên giá trị cây trồng trên đất là 17.488.200 đồng là có căn cứ.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lèo Văn H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn ông Lèo Văn H, bà Lò Thị Thiên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Lèo Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lèo Văn H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lường Thị T. Buộc bị đơn ông Lèo Văn H và bà Lò Thị Thiên phải trả lại diện tích đất là 2.798,7m² (theo xác định của các đương sự trong quá trình xem xét thẩm định tại chỗ) thuộc thửa số 48, tờ sơ đồ I-6-4 tại xứ đồng Sắn Co Cắc, Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cho bà Lường Thị T. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri Q 277773 mang tên ông Lèo Văn H theo Quyết định số 353/QĐ-UBND (số vào sổ số 00173) ngày 28/10/1999 của UBND huyện Mai Sơn. (Trong phần diện tích 2.798,7m², bà Toàn được sử dụng diện tích 1280m² đất nương đã được cấp giấy chứng nhận mang tên Lèo Văn H, được

tạm sử dụng 1.518,7m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

2. Buộc bà Lương Thị T phải thanh toán cho ông Lèo Văn H và bà Lò Thị Thiên giá trị cây trồng trên đất là 17.488.200VNĐ (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bà Lương Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Lèo Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001587 ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí và chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (06/9/2022).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Đường sự;
- Phòng KTNV- THA
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cầm Văn Thanh

Hoàng Văn Tuyên

Lại Thị Hiếu

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Đường sự;
- Phòng KTNV- THA
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu